

Bản án số: 219/2020/DS-ST

Ngày: 11-8-2020.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Huỳnh Hậu.

2. Bà Đào Ngọc Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 558/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 Đường N1, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn T (Theo Giấy ủy quyền số 1872/2019/UQ-TTT ngày 10/10/2019).

Bị đơn: Ông Lâm Trường P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 153/36 Đường N2, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày nội dung vụ án như sau:

Ngày 03/11/2011, ông P có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 25.261.492 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 32.678.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Phúc vẫn không thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/03/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 11/8/2020, ông P còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 9.432.261 đồng

Lãi quá hạn : 12.553.320 đồng

Tổng cộng: 21.985.581 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc ông P trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/8/2020 là 21.985.581 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 12/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – ông Lâm Trường P không đến Tòa án tham gia tố tụng dù đã được tổng đạt hợp lệ nên Tòa án không có ý kiến trình bày của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, đủ điều kiện mở phiên tòa xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường N, Quận M thì “ông P có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 153/36 Đường N2, Phường N, Quận M nhưng đương sự đã bán nhà từ năm 2018 đến nay, không rõ đi

đâu”. Như vậy, bị đơn – ông P có nơi cư trú cuối cùng tại Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S là tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu ông P thanh toán số tiền ông P đã vay theo của Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Ngọc M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn - ông P đến Tòa án tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông P không tham gia và không có trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất, và tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, ông P vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, nhận thấy ngày 03/11/2011 ông P có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (sau đây gọi là Hợp đồng sử dụng thẻ) với nội dung cơ bản như sau: Hạn mức tín dụng: 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân và lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% x lãi trong hạn. (Theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng TMCP S Thương Tín). Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét nội dung của Hợp đồng sử dụng thẻ là sự thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP S và ông P.

[4.1] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc: Qua Bảng sao kê chi tiết tính đến ngày 11/8/2020 của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 25.261.492 đồng và phát sinh các phí như phí trễ hạn 1.557.964 đồng, phí thường niên và các loại phí khác 2.498.000 đồng, phí vượt hạn mức là 850.000 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 20/11/2011 đến ngày 23/3/2017 là 11.942.805 đồng, đồng thời ông cũng đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 32.678.000 đồng. Ông P còn nợ Ngân hàng số tiền gốc như sau: 25.261.492 đồng – (32.678.000 – 1.557.964- 2.498.000- 850.000 – 11.942.805) đồng = 9.432.261

đồng. Ngân hàng đã trừ số tiền ông P đã thanh toán theo thứ tự nêu trên phù hợp với thỏa thuận tại Điều 16, Điều 20, Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với nợ gốc là 9.432.261 đồng.

[4.2] Xét yêu cầu về tiền lãi: Căn cứ Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT- NHNN ngày 14/4/2010 có quy định “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư, phát triển và đời sống có hiệu quả”, Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất trong hạn đã thỏa thuận của hai bên là 2.15%/tháng và lãi quá hạn là 3.225%/tháng phù hợp với Điều 90 Luật các Tổ chức tín dụng. Ông P vi phạm thời hạn thanh toán từ ngày 24/3/2017 đến ngày 11/8/2020, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của Ngân hàng từ ngày 23/3/2017 đến ngày 11/8/2020 là 12.553.320 đồng.

[4.3] Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông P thanh toán cho Ngân hàng với nợ gốc là 9.432.261 đồng, nợ lãi phát sinh là 12.553.320 đồng. Tổng cộng: 21.985.581 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 12/8/2020 ông P còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ cho đến khi ông P thi hành xong nghĩa vụ thanh toán nêu trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Ông P chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án là 5% x 21.985.581 đồng = 1.099.279 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 469.534 (Bốn trăm sáu mươi chín ngàn, năm trăm ba mươi bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014164 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án Quận 10.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3, Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;
- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Lâm Trường P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 21.985.581 đồng (Hai mươi một triệu, chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng, năm trăm tám mươi một) đồng, trong đó số tiền gốc là 9.432.261 (Chín triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn, hai trăm sáu mươi một) đồng, số tiền lãi là 12.553.320 (Mười hai triệu, năm trăm năm mươi ba ngàn, ba trăm hai mươi) đồng.

Kể từ ngày 12/8/2020, ông P còn phải chịu lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ cho đến khi ông P thi hành xong nghĩa vụ thanh toán nêu trên.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 1.099.279 (Một triệu, không trăm chín mươi chín ngàn, hai trăm bảy mươi chín) đồng, ông Lâm Trường P phải chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án Quận 10.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 469.534 (Bốn trăm sáu mươi chín ngàn, năm trăm ba mươi bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014164 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án Quận 10.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Phương